



jì rén
伎人

noun · performer, entertainer (archaic)

Example Sentence

Gǔ dài de jì rén cháng zài gōng tíng zhōng biǎo yǎn gē wǔ.
古代的伎人 常在宫廷中 表演歌舞。

Ancient performers often sang and danced in the imperial court.

Trace each character, then write the word on your own.

伎	伎	伎	伎	伎	伎	伎	伎	伎											
人	人	人	人	人															